TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** TỈNH THÁI BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ- ST
Ngày 30/01/2018
V/v Ly hôn giữa chị P và anh H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phan Văn Tiến;

2. Bà Phạm Hồng Thiêm;

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 253/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Xã P1, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.Bị đơn: Anh Đoàn Viết H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn C, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- Lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Phượng trình bày: Chị và bị đơn là anh Đoàn Viết H tự nguyện đăng ký kết hôn; được Uỷ ban nhân dân xã T2 cấp giấy đăng ký kết hôn số 54 ngày 14 tháng 11 năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh H; đến tháng 01/2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, anh H đuổi và đánh chị. Do vợ chồng mâu thuẫn nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã P1, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa làm ăn và sinh sống. Từ đó, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu nhau, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay chị có nguyện vọng ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, hiện nay chị không mang thai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung; không có ai nợ chung vợ chồng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh H nhưng anh không đến Tòa án làm việc. Bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ anh H trình bày: Do anh H làm ăn ở xa nên bà đã nhận thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án gửi anh H; bà đã thông báo cho anh H nhưng anh không về được. Anh nhờ bà trình bày ý kiến về vụ án: Anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị P về việc kết hôn, về quá trình chung sống, về thời gian mâu thuẫn, về việc từ lâu vợ chồng không sống chung với nhau; về việc vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung. Do anh làm ăn ở xa nên anh không đến Tòa án làm việc được; anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do anh H vắng mặt, vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đúng quy định của pháp luật. Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 55, 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị P ly hôn anh H. Vợ chồng chị P, anh H không có con chung, không có tài sản chung, nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị P phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn được triệu tập hợp lệ, đã được giao các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa làm việc, không có văn bản ghi ý kiến gửi về Tòa án, không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn, cho Tòa án. Như vậy, xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải theo quy định tại Khoản 1; Khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự được. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Khoản 2 Điều 227; Khoản 1; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị P và anh H là tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng không có biện pháp hòa giải nên mâu thuẫn trở nên trầm trọng; hiện nay, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị P- anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị P

ly hôn anh H.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị P- anh H không có con chung, nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định: Vợ chồng không có tài sản chung nên nguyên đơn không yêu cầu. Vì vậy, không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000,đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1; khoản 3 Điều 228; Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a Khoản 1 Điều 24; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P ly hôn anh Đoàn Viết H.

2. Về con chung: Vợ chồng chị P- anh H không có con chung, không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị P phải nộp toàn bộ 300.000,đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000,đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001188 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Chị P đã nộp đủ án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

- Đương sự;
-UBND xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình;
-VKDND huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tòng